

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **328/2024/DS-ST**

Ngày: 26/8/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Ba;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 263/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Hùng C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp PH, xã TH, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: 1/ Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp HN, xã HT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

2/ Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Anh C có mặt, chị T1 và ông T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Lê Hùng C trình bày:**

Do quen biết nên ngày 09/4/2024 anh có cho chị T1 và ông T2 vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 15/4/2024, chị T1 là người viết biên nhận và ký tên, ông T2 có ký tên vào biên nhận. Đến hạn trả thì chị T1 và ông T2 không thực hiện trả tiền mà chỉ

hứa hẹn và tránh mặt. Trước đây anh khởi kiện yêu cầu chị T1 và ông T2 liên đới trả cho anh số tiền 150.000.000 đồng, tuy nhiên ngày 25/4/2024 ông T2 đã trả cho anh 20.000.000 đồng, anh đồng ý căn trừ vào tiền vốn. Do đó anh chỉ yêu cầu chị T1 và ông T2 có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 130.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 15/4/2024 đến khi xét xử, tạm tính đến ngày nộp đơn là 01 tháng, thành tiền 2.490.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/4/2024 khi viết biên nhận nợ, anh có nói ông T2 bảo lãnh cho chị T1 thì anh mới cho vay tiền nên ông T2 ký tên vào biên nhận nhưng ông T2 không có hứa sẽ trả nợ thay chị T1. Khi ông T2 trả số tiền 20.000.000 đồng thì ông T2 cũng không nói sẽ trả thay cho chị T1.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T1 vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Ông là cha ruột của chị Nguyễn Thị Kim T1. Vào tháng 4/2024 chị T1 có vay của anh C số tiền 150.000.000 đồng. Khi chị T1 và anh C thỏa thuận vay tiền, thỏa thuận tiền lãi và khi giao tiền thì không có mặt ông. Ông ký tên vào biên nhận ngày 09/4/2024 là do chị T1 kêu ông ký vào, mục đích để xác nhận là chị T1 có vay tiền của anh C chứ ông không có bảo lãnh nợ cho chị T1. Khi ký tên vào biên nhận ông không có hứa trả thay chị T1, cũng không nhận số tiền nào từ anh C. Chị T1 và anh C thỏa thuận ngày 15/4/2024 trả tiền nhưng chị T1 không trả nên anh C có đòi tiền ông. Do thương con, anh C lại là cháu gọi ông là dượng nên ông có trả cho anh C 20.000.000 đồng, khi trả ông không có hứa hẹn trả số tiền còn lại cho anh C. Nay anh C khởi kiện yêu cầu ông và chị T1 cùng trả số tiền 130.000.000 đồng và tiền lãi thì ông không đồng ý, đây là nợ riêng của chị T1 nên chị T1 phải có trách nhiệm trả cho anh C, không liên quan đến ông. Đối với số tiền 20.000.000 đồng thì ông cho chị T1 để trả nợ, không yêu cầu trả lại cho ông.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu chị T1 và ông T2 có nghĩa vụ trả số tiền 130.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi. Bị đơn ông T2 có đơn đề nghị vắng mặt. Bị đơn chị T1 vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, chị T1 là người trực tiếp vay tiền của anh C, ông T2 không ký tên vào biên nhận tiền. Nội dung biên nhận không thể hiện ông T2 là người vay tiền hoặc là người trả nợ thay cho chị T1. Ông T2 cũng không thừa nhận mình là người bảo lãnh nợ cho chị T1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị T1 có nghĩa vụ trả cho anh C số tiền 130.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của anh C về việc buộc ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ với chị T1. Anh C không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Lê Hùng C khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim T1 và ông Nguyễn Văn T2 trả số tiền vay nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn chị T1 cư trú tại ấp HN, xã HT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang; ông T2 cư trú tại ấp TT, xã TH, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bị đơn ông T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T1 và ông T2.

[3] Ngày 24/6/2024, nguyên đơn anh C nộp đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện do ông T2 đã trả được số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc, nên anh C chỉ yêu cầu chị T1 và ông T2 trả số tiền nợ gốc còn lại là 130.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh C thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị T1 và ông T2 trả số tiền 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do quen biết nên ngày 09/4/2024 anh C có cho chị T1 vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 15/4/2024, chị T1 là người viết biên nhận và ký tên. Đến ngày 25/4/2024 ông T2 đã trả cho anh C số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ lại 130.000.000 đồng. Sau đó chị T1 và ông T2 không trả được số tiền nào nữa. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã giao nộp 01 Biên nhận ngày 09/4/2024 có chữ ký của chị T1 và ông T2.

Ông T2 là cha ruột của chị T1 trình bày chị T1 là người kêu ông ký vào Biên nhận ngày 09/4/2024 để xác nhận chị T1 có vay của anh C số tiền 150.000.000 đồng. Đến ngày 25/4/2024 ông T2 thay chị T1 trả cho anh C số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định chị T1 còn nợ anh C số tiền vay là

130.000.000 đồng nên cần buộc chị T1 có nghĩa vụ trả số tiền trên cho anh C, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T1, nhưng chị T1 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như bị đơn không có phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông T2 có nghĩa vụ liên đới cùng chị T1 trả nợ cho anh C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Biên nhận ngày 09/4/2024 có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Thị Kim T1, SN 02.07.1980. Hiện cư ngụ tại ấp Trung Thạnh, xã Trung Hòa, Chợ Gạo, Tiền Giang.CCCD 082180008745. Có mượn của ông Lê Hùng C ấp Phú Hòa, xã Trung Hòa, Chợ Gạo, Tiền Giang số tiền 150.000.000 đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Từ ngày 09.4.2024 đến ngày 15.04.2024 tôi hoàn trả lại số tiền cho ông Lê Hùng C 150.000.000 đ (Một trăm năm mươi triệu đồng)”. Như vậy, biên nhận chỉ thể hiện nội dung người vay tiền là chị T1, phù hợp với lời trình bày của anh C và ông T2 cùng thừa nhận là anh C giao tiền cho chị T1, ông T2 không nhận số tiền nào của anh C. Ông T2 cũng không thừa nhận mình là người bảo lãnh của chị T1. Do đó, anh C yêu cầu ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ với chị T1 là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh C thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Ông T2 trình bày ông đã thay chị T1 trả cho anh C số tiền 20.000.000 đồng, đây là tiền ông cho chị T1 và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh C phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

[10] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 220, 227, 228, 244, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hùng C.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim T1 có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hùng C số tiền nợ là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hùng C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 liên đới trả nợ với chị Nguyễn Thị Kim T1.

3. Về án phí: Anh Lê Hùng C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.813.000 đồng theo biên lai thu số 0007609 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên hoàn lại cho anh C số tiền 3.513.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim T1 phải chịu 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thủy Uyên